

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 136/2017/HSST
Ngày: 31 - 8 - 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Phạm Đức Toàn.
2. Vũ Tiến Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Anh – Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 129/2017/TL-HSST ngày 09 tháng 8 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2017/QĐXX-ST ngày 16 tháng 8 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Thành T**, sinh ngày 25 tháng 9 năm 1984 tại Thái Bình; Nơi cư trú: đường P, tổ 37A, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954; Gia đình có 02 chị em, T là con thứ hai; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 06 tháng 5 năm 2013 Chủ tịch UBND thành phố T ra Quyết định số 1315 áp dụng biện pháp đưa Nguyễn Thành T vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội thành phố T, thời hạn 12 tháng. Bị tạm giữ từ ngày 30 tháng 4 năm 2017 đến ngày 06 tháng 5 năm 2017 chuyển tạm giam cho đến nay. (Có mặt)

2. **Hoàng Dũng H**, sinh ngày 20 tháng 2 năm 1968 tại Thái Bình; Nơi cư trú: phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10; Con ông Hoàng Văn G (đã chết) và bà Vũ Thị B, sinh năm 1932; Gia đình có 08 anh chị em, H là con thứ 6; Có vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 1974 (đã ly hôn); Có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2001; Tiền án: Bản án số 06/2015/HSST ngày 29 tháng 01 năm 2015 Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt Hoàng Dũng H 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15 tháng 10 năm 2014, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Đã thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm ngày 05 tháng 8 năm 2015. Ngày 21 tháng 01 năm 2017 chấp hành xong hình phạt tù về địa phương; Tiền sự: Không; Nhân thân:

- Ngày 10 tháng 7 năm 1993 bị Công an thành phố H khởi tố và tạm giam về tội “Buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới”, ngày 19 tháng 10 năm 1993 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn do chưa đủ cơ sở kết luận Hoàng Dũng H phạm tội.

- Ngày 10 tháng 4 năm 2003 Chủ tịch UBND thành phố V ra Quyết định số 777 áp dụng biện pháp đưa Hoàng Dũng H vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, thời hạn 24 tháng.

- Ngày 26 tháng 12 năm 2005 Chủ tịch UBND thành phố V ra Quyết định số 4343 áp dụng biện pháp đưa Hoàng Dũng H vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, thời hạn 24 tháng.

- Bản án số 14/2006/HSST ngày 24 tháng 10 năm 2006 Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt Hoàng Dũng H 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 02 tháng 6 năm 2006, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 02 tháng 9 năm 2011;

- Ngày 22 tháng 9 năm 2014, Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai ra Quyết định số 198/QĐXPVPHC-MT xử phạt vi phạm hành chính đối với Hoàng Dũng H bằng hình thức phạt tiền 750.000 đồng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị tạm giữ từ ngày 30 tháng 4 năm 2017 đến ngày 06 tháng 5 năm 2017 chuyển tạm giam. (Có mặt)

- Người làm chứng trong vụ án:

1. Anh Đào Xuân H, sinh năm 1973; Nơi cư trú: thôn H, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình. (*Vắng mặt*)

2. Anh Lê Xuân T, sinh năm 1962; Nơi cư trú: tổ 15, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 năm 2017, Nguyễn Thành T điều khiển xe máy nhãn hiệu SYM-Joyride, biển số 17B9-xxxx đi từ nhà đến khu tập thể 4 tầng thuộc phường L, thành phố T thì gặp Hoàng Dũng H, T hỏi “*Anh có tiền không, anh em mình góp tiền mua ma túy đá về sử dụng*”, H trả lời “*Anh có 100.000 đồng thôi*”, T nói “*Em có 200.000 đồng đây, anh cầm tiền em chở anh đi mua*”. Sau đó, T đưa H 200.000 đồng, H bỏ ra 100.000 đồng, H cầm tiền rồi ngồi lên xe máy T điều khiển chở H đến khu vực đường T, thuộc phường Đ, thành phố T, H bảo T dừng xe đợi ở ngoài, H đi vào trong ngõ gặp và mua của một người nam giới khoảng 30 tuổi không biết tên, địa chỉ, 300.000 đồng được 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng. Mua xong, H cầm túi ma túy đá ở lòng bàn tay trái rồi đi bộ ra chỗ T đứng chờ, khi H đi ra đến chỗ T thì bị tổ công tác Công an thành phố Thái Bình yêu cầu kiểm tra. Trước sự chứng kiến của anh Đào Xuân H và anh Lê Xuân T, Hoàng Dũng H đã tự giác giao nộp cho tổ công tác 01 túi nilon màu trắng, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng, H khai đó là ma túy đá, H và T vừa góp tiền mua về cùng sử dụng. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng gửi giám định. Ngoài ra, còn quản lý của Hoàng Dũng H 01 điện thoại Mobistar màu trắng xanh và số tiền 50.000 đồng; quản lý của Nguyễn Thành T 01 điện thoại Iphone 5S màu trắng vàng và 01 xe máy nhãn hiệu SYM-Joyride, biển số 17B9-xxxx.

Tại kết luận giám định số 147/KLGD-PC54 ngày 30 tháng 4 năm 2017, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: *Mẫu gửi giám định thu của Hoàng Dũng H là ma túy, loại Methamphetamine, có trọng lượng 1,8555 gam (một phẩy tám nghìn năm trăm năm mươi năm gam).*

Cáo trạng số 138/KSĐT ngày 09 tháng 8 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình để xét xử đối với Nguyễn Thành T và Hoàng Dũng H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Nguyễn Thành T và Hoàng Dũng H khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành T và Hoàng Dũng H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1+ khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 20 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T mức án tù từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30 tháng 4 năm 2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1+ khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 20 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Hoàng Dũng H mức án tù từ 24 đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30 tháng 4 năm 2017.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ của Hoàng Dũng H hoàn trả sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì số 147/KLGD-PC 54 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; Trả lại Hoàng Dũng H 01 điện thoại Mobistar màu trắng xanh và số tiền 50.000 đồng; Trả lại Nguyễn Thành T 01 điện thoại Iphone 5S màu trắng vàng.

Bị cáo Nguyễn Thành T và Hoàng Dũng H đều đồng ý với tội danh Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, xem xét trả lại cho bị cáo điện thoại và tiền cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thành T, Hoàng Dũng H nói lời sau cùng, đều trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình, trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 30 tháng 4 năm 2017 tại khu vực đường T thuộc phường Đ, thành phố T, Nguyễn Thành T và Hoàng Dũng H cùng góp tiền mua và tàng trữ 01 túi ma túy, loại Methamphetamine, có trọng lượng 1,8555 gam, mục đích để sử dụng, bị cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự thì *“Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”*.

Hành vi của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng, kết luận giám định, lời khai của người làm chứng, và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quy định quản lý chất ma túy là loại chất gây nghiện nguy hiểm của Nhà nước, góp phần tạo ra một lớp người nghiện ma túy, qua đó đe dọa nghiêm trọng đến an toàn, trật tự công cộng, tệ nạn ma túy không những gây tác hại rất xấu cho sức khỏe, phá hoại hạnh phúc của bao gia đình mà còn là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội khác. Các bị cáo đều là người đã thành niên, có nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thành T, Hoàng Dũng H đủ yếu tố cấu thành tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 còn quy định *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”*. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo đều là lao động tự do, tàng trữ ma túy

để sử dụng cho bản thân, không vì mục đích vụ lợi. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[3] Xét về vai trò của các bị cáo trong vụ án và nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Nguyễn Thành T là người đề xuất rủ rê Hoàng Dũng H cùng góp tiền mua ma túy về sử dụng, H đã tiếp nhận ngay ý chí của T, và là người trực tiếp giao dịch mua ma túy, do đó các bị cáo giữ vai trò ngang nhau trong vụ án.

Các bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy, Nguyễn Thành T đã được đưa đi cai nghiện bắt buộc vào năm 2013; riêng đối với Hoàng Dũng H năm 2003, 2005 đã được đưa đi cai nghiện tập trung, năm 2006 đã bị kết án về tội phạm ma túy, năm 2014 bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; mặc dù tiền án, tiền sự trên của các bị cáo đã được xóa nhưng cần đánh giá các bị cáo đều có nhân thân xấu, Hội đồng xét xử sẽ xem xét đánh giá khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Nguyễn Thành T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Năm 2015 Hoàng Dũng H đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo do đó được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bà Vũ Thị B, mẹ đẻ của bị cáo H được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì; ông Nguyễn Văn M, bố đẻ của bị cáo T được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang, nên được xác định là người có công với cách mạng, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

So sánh quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 thì mức hình phạt tù từ hai năm đến bảy năm, cao hơn so với mức hình phạt tù từ một năm đến năm năm quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015. Căn cứ vào những quy định có lợi cho người phạm tội, theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7 và khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, và căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử cần lên một mức án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo giáo dục bị cáo, góp phần đấu tranh phòng ngừa chung, nhất là trong bối cảnh hiện nay tội phạm ma túy có chiều hướng gia tăng và ngày càng phức tạp.

[4] Về xử lý vật chứng và về các vấn đề khác:

Đối với chiếc xe máy các bị cáo sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy là tài sản của bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954; Địa chỉ tại đường P, tổ 37A, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình (mẹ đẻ T) mua làm phương tiện đi lại sinh hoạt trong gia đình, ngày 30 tháng 4 năm 2017 bà T không biết T sử dụng xe để đi mua ma túy. Ngày 19 tháng 5 năm 2017 cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại bà T chiếc xe trên, tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại gì và nhất trí với việc trả lại tài sản nêu trên của cơ quan điều tra. Xét việc trả tài sản của cơ quan điều tra là có căn cứ, bà T đã nhận lại xe và không có ý kiến đề nghị gì, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về nguồn gốc số ma túy, Hoàng Dũng H khai mua của một người nam giới không quen biết tại khu vực đường T thuộc tổ 19, phường Đ, thành phố T nên cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

Số ma túy thu giữ trong vụ án còn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

Chiếc điện thoại di động Mobistar, số tiền 50.000 đồng quản lý của Hoàng Dũng H và chiếc điện thoại Iphone 5S màu trắng vàng quản lý của Nguyễn Thành T, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội, do đó cần trả lại cho các bị cáo.

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành T, Hoàng Dũng H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1 Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 + khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 20 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30 tháng 4 năm 2017.

2.2 Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1+ khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 20 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm

2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Hoàng Dũng H mức án 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30 tháng 4 năm 2017.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ của bị cáo Hoàng Dũng H hoàn trả sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì số 147/KLGD-PC 54 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình;

- Trả lại bị cáo Hoàng Dũng H 01 điện thoại Mobistar màu trắng xanh và số tiền 50.000 đồng; Trả lại bị cáo Nguyễn Thành T 01 điện thoại Iphone 5S màu trắng vàng.

(Toàn bộ vật chứng trên đã chuyển cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình ngày 09 tháng 8 năm 2017)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 98, 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyễn Thành T, Hoàng Dũng H mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Thành T, Hoàng Dũng H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày 31 tháng 8 năm 2017.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Cơ quan điều tra Công an TP. Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- Nhà tạm giữ/Trại tạm giam Công an Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Linh Nga